TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142020/HNGĐ -ST

Ngày: 15/7/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông Phạm Hữu Luyện

***- Các Hội thẩm nhân dân*:** 1. Ông Lục Viết Sang

2. Ông Nguyễn Văn Chiến

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:321/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-DS ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Triệu Văn S, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn GB, xã ĐS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị G trình bày: Chị kết hôn với anh Triệu Văn S vào ngày 03/11/2014 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống tại thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hai đến ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh S lười lao

động, không chịu khó làm ăn, không quan tâm, bỏ bê gia đình dẫn đến vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến khoảng tháng 5/2015 anh S bỏ về thôn Gia Bình, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế sinh sống. Vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc và sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Triệu Văn S.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh S không đến Tòa án làm việc do đó Tòa án không lấy được lời khai của anh S.

**Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật, không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày ngày 12/3/2020 và ngày 20/3/2020 Không đến tham gia phiên tòa xét xử vào các ngày 29/6/2020 và ngày 15/7/2020.

+ Về nội dung vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58, của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/21016, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G: Xử cho chị G được ly hôn anh Triệu Văn S.

- Về án phí: Chị G thuộc đối tượng hộ cận nghèo miễn tiền án phí cho chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về Tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Nguyễn Thái G và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình "*xin ly hôn*".

Bị đơn anh Triệu Văn S có địa chỉ tại thôn GB, xã ĐS, huyện YT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh S đã được tống đạt hợp lệ nhưng không có mặt vì vậy vụ án không tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa lần thứ nhất mở ngày 29/6/2020 anh S vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay anh S tiếp tục vắng mặt không có lí do, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Triệu Văn S.

[2] Về nội dung: Chị G kết hôn với anh S vào ngày 03/11/2014 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S, chời bời, không tu trí làm ăn, bỏ bê không quan tâm đến gia đình. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên sảy ra đánh cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2015 cho đến nay. Nay chị G xin ly hôn, phía anh S đã được Tòa án thông báo nhiều lần nhưng không có bất kỳ quan điểm gì và cũng không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ hòa giải. Xét thấy địa phương thôn Gia Bình, xã Đông Sơn cung cấp vợ chồng chị G, anh S mâu thuẫn đến nay đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng sống ly thân thời gian đã lâu, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G là có căn cứ cần chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Triệu Văn S.

Về con chung: Vợ chồng chị G anh S không có con chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác chung: Chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị G thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí ly hôn cho chị G.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58, của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/21016 của Ủy ban thường vụ quốc hội , Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Triệu Văn S

2. Về án phí: Miễn tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị G.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Thế;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện